

CHÚA TIÊN NGUYỄN HOÀNG NGƯỜI MỞ ĐẦU THỜI HỘI NHẬP CỦA XỨ ĐÀNG TRONG THẾ KỶ XVI-XVII

NGUYỄN LỤC GIA

TÓM TẮT

Trước Nguyễn Hoàng, nhà Lê sơ tiếp tục bó buộc Đại Việt theo tư tưởng Dĩ nông vi bản. Cùng thời với Nguyễn Hoàng, triều đình Lê-Trịnh mãi mê theo đuổi tham vọng vương quyền với định kiến Khổng Nho. Trong lúc bút phá quyết liệt để tìm lối thoát trước cuộc khủng hoảng chính trị dai dẳng ở thế kỷ XVI, Nguyễn Hoàng đã bắt gặp con đường phát triển mà nhân loại đang đi: hội nhập khu vực và thế giới.

Nhân 400 năm ngày mất của Tiên chúa Nguyễn Hoàng, bài viết nhìn lại một số đóng góp của ông trong lịch sử mở nước ở phương Nam.

Cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI luồng mậu dịch hàng hải thế giới nối liền giữa phương Tây với phương Đông diễn ra cực kỳ sôi động. Tuyến đường thương mại đại dương quốc tế này đi ngang qua miền duyên hải các vương quốc Đông Nam Á trên những chặng dừng chân gần cuối. Liên kề với vương quốc Champa đang bị thu hẹp liên

tục lãnh thổ, nhà nước Đại Việt tuy bị phân liệt về mặt thiết chế nhưng không ngừng vươn lên tích lực nhằm phá vỡ thế đối đầu.

Dù vậy, trước khi ý đồ lớn lao giữa các đối thủ mang tầm chinh phục đem ra thực thi trực tiếp, hình thức của một số sự kiện cũng phần nào giúp người ngoài nhận diện khách quan ưu thế kẻ dự cuộc. Họ Nguyễn, khởi đầu là Nguyễn Hoàng, đã vượt lên trong nghịch cảnh sinh tồn này so với hai đối thủ của mình là vua Lê – họ Trịnh ở mặt Bắc và Champa ở phía Nam.

TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC

Không gian chật hẹp miền Thanh Nghệ trong cuộc trung hưng nhà Lê không đủ để tạo ra thế và lực vượt trội tiến về Đông Đô hạ bệ Mạc triều. Ngay khi phát động cần vương, viên đại thần Phụ quốc Nguyễn Kim đã khách quan thừa nhận: “Phần quân ta tuy có thể hiểm núi rừng, nhân lực ở Thanh Hóa, Nghệ An không ít nhưng về lương thực thì không đủ mà việc chuyển vận lại rất khó khăn” (Mai Thị, 1996, tr. 30-31). Hơn chục năm sau Đoan quận công Nguyễn Hoàng càng nhận rõ điều bế tắc ấy, cộng thêm sự chèn ép của Trịnh Kiểm trong hoàn cảnh cô thế, đã phát sinh chí hướng lập nghiệp trên phần đất vươn dài

xuống phía Nam của lãnh thổ Đại Việt. Được khích lệ bởi lời tiên tri của Nguyễn Bình Khiêm, rằng “hoành sơn nhất đại, vạn đại dung thân” (nghĩa là: một dải núi ngang, dung thân muôn đời), Nguyễn Hoàng quyết định dẫn thân.

Chính Trịnh Kiểm trong vai trò người anh rể đã đứng ra dàn xếp cuộc Nam chinh của Nguyễn Hoàng, không phải bằng thiện chí trong mối quan hệ tay đôi mà khách quan muốn làm thay đổi cục diện chính trị đương thời. Lời bàn thuyết phục trước vua Lê Anh Tông không chỉ nói lên những kiến giải sắc sảo của viên thái sư họ Trịnh mà còn chứng tỏ tầm nhìn xa trông rộng cùng nhân cách và trí tuệ của Nguyễn Hoàng: “Xứ Thuận Hóa là một kho tinh binh trong thiên hạ... Xứ ấy, địa thế hiểm trở, dân khí cương cường, lại có nhiều nguồn lợi trên rừng dưới biển, là vùng trọng yếu, không xứ nào hơn. Gần đây, quan quân kinh lược hàng mấy chục năm mới lấy được. Vậy nên hết sức bảo vệ, để làm một bức bình phong vững chắc... con trai thứ của Chiêu Huân Tĩnh công là Nguyễn Hoàng, là một người trầm tĩnh cương nghị, lại có mưu lược, đối với quân sĩ có độ lượng khoan dung giản dị. Vậy xin bổ ông làm trấn thủ, để trị an nơi biên thùy và chống giặc ở miền Bắc kéo vào... Như vậy thì một vùng Ô Châu, khỏi phải để ý lo tới, hạ thần sẽ khỏi phải phân tâm, mà chỉ dốc hết ý chí về việc Đông chinh... Nghiệp trung hưng sẽ có thể sớm thành công” (Lê Quý Đôn, 1978, tr. 305-306). Đây là kế sách lâu dài đối phó với Mạc triều đang chiếm thế thượng phong liên tục phản công lực lượng cần vương, do đó lập tức được vua Lê Anh Tông tán thành. Đó là mùa đông năm Mậu Ngọ (1558). Với sự chấp thuận

này, họ Nguyễn vừa được thoát khỏi sự truy bức tại Tây Kinh, vừa có đất thực thi ý đồ chiến lược.

Tuy nhiên, sau hàng chục năm dài xác lập vững chắc quyền lực trên đất Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng đang bị mắc kẹt giữa một hệ thống chính quyền Lê-Trịnh trấn giữ ở hai đầu: Nghệ An phía Bắc, Quảng Nam mặt Nam. Để tạo thế phân lập với chính quyền Tây Đô (nhà Lê trung hưng), Nguyễn Hoàng chỉ có mỗi con đường bứt phá đầu cầu Quảng Nam, tiến xa xuống miền biên thùy giáp Champa đang hồi suy thoái. Nhưng bằng cách nào để có được Quảng Nam khi mà trấn thủ tại đây là một viên phó tướng mẫn cán từ những ngày đầu cần vương và tuyệt đối trung thành với hoàng triều Lê-Trịnh?

NHỮNG BƯỚC ĐI ĐẦU TIÊN

Giữ đất Quảng Nam là Trấn quận công Bùi Tá Hán. Ngay sau khi thu hồi xứ này từ tay quân Mạc, vào năm Ất Ty (1545) Tá Hán đã được vua Lê phong làm Bắc quân Đô đốc, lĩnh quân đi vỗ yên vùng biên trấn. Bùi Tá Hán là thuộc tướng thân cận của đại thần Phụ quốc Nguyễn Kim, từng được Nguyễn Kim trực tiếp viết thư ủy nhiệm và động viên. Khi Nguyễn Hoàng “vào trấn Thuận Hóa, thường có giặc ở phía Đông đến. Tá Hán đem quân Quảng Nam đi cứu ứng, giặc không dám phạm” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1993, tr. 87). Như vậy, quan hệ giữa Nguyễn Hoàng với Bùi Tá Hán vừa liên đới trong trách nhiệm, vừa gần gũi về đời riêng. Tuy nhiên, đứng về tính cách và công việc, Bùi Tá Hán nổi tiếng là người “kỷ luật nghiêm minh, ân uy minh bạch” (Mai Thị, 1996, tr. 20), không dễ gì lung lạc một khi đã xác tín niềm tin.

Nhận thấy không thể lôi kéo được viên tổng trấn Quảng Nam đứng về phía mình trong ý đồ phân lập vương quyền, Nguyễn Hoàng đi đến quyết định loại trừ người đồng sự cản đường bằng một cuộc mưu sát đầu năm Mậu Thìn (1568), thông qua người hầu cận tín cẩn của Bùi Tá Hán có tên Xích Y⁽¹⁾. Dù vậy, mục đích của họ Nguyễn vẫn chưa thành tựu bởi sự hoài nghi của Trịnh Kiểm. Viên trấn thủ Nghệ An Nguyễn Bá Quynh được chính quyền Tây Kinh điều vào thế chỗ. Lợi dụng những lúng túng trong cơ cấu nhân sự của triều đình, Nguyễn Hoàng lập tức mạo hiểm đi bước nữa để chớp lấy quyền lực.

Mùa thu năm Kỷ Tỵ (1569), Nguyễn Hoàng có mặt tại Tây Kinh sau hơn mười năm tung hoành lẫn mưu toan ở Thuận Hóa, bệ kiến vua Lê Anh Tông và viếng thăm thái sư Trịnh Kiểm đang lúc mang trọng bệnh hiểm nghèo. Có lẽ viên trấn thủ Thuận Hóa đã không lộ liễu xin triều đình cho kiêm quản trấn Quảng Nam mà ngược lại, đặt vấn đề nơi vừa khuyết là Nghệ An, đất cận kề tổng hành dinh của cuộc trung hưng đế nghiệp. Chính thời điểm ngấm ngầm nguy cơ bùng phát bạo lực ngay trong nội bộ Lê-Trịnh, khi mà Trịnh Kiểm cũng không còn đủ thời gian để trực tiếp thực thi quyền biến, sự liều lĩnh của Nguyễn Hoàng đã đánh lừa được đối thủ. Thay vì Nghệ An, Trịnh Kiểm đã đẩy xa kẻ tranh chấp của dòng họ về hướng biên thùy phương Nam. Đầu mùa xuân năm sau (1570), Nguyễn Hoàng rời Tây Đô với thành công ngoạn mục: “kiêm việc cai quản cả các xứ Thuận Hóa và Quảng Nam. Vua Lê vời tổng binh Quảng Nam là Nguyễn Bá Quynh về giữ Nghệ An” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998, tr. 148).

Bằng những biện pháp chính trị kiên quyết, tổng trấn Thuận Quảng Nguyễn Hoàng đã dẹp yên vụ phản loạn do Mỹ Lương cầm đầu xảy ra trên đất Thuận Hóa cùng phong trào đòi quyền tự trị do các thổ tướng liên kết với Champa kích động tại nhiều địa phương thuộc xứ Quảng Nam. Để dứt điểm tình hình phức tạp nơi biên giới đồng thời đặt cơ sở cho chính sách nối dài cương vực nhằm tích lũy sức tiến những kế hoạch lớn, Nguyễn Hoàng quyết định mở cuộc chinh phạt Champa ngay trên lãnh thổ đối phương. Đó là trận chiến lịch sử năm Mậu Dần (1578) tại Thành Hồ, dồn lũy quân sự quy mô và kiên cố nhất của Champa vào thời điểm này. Danh tướng Lương Văn Chánh đã mang về cho viên tổng binh Nguyễn Hoàng một thắng lợi có tầm vóc lớn, chuẩn bị bước đột phá chính trị hơn hai mươi năm về sau.

ĐỐI SÁCH VỀ KINH TẾ

Trước khi Nguyễn Hoàng đến cai quản, khu vực Thuận Quảng đã dần dần thoát khỏi sự ràng buộc của chính sách ức thương thời Lê sơ. Tuy vậy, do thời cuộc bất ổn nên đời sống phần đông các tầng lớp cư dân thường xuyên bấp bênh, tạm bợ. Để người dân có cuộc sống bình yên và lạc nghiệp, họ Nguyễn đã thúc đẩy việc mở rộng giao lưu thương mại giữa các địa phương hai trấn và giữa hai trấn với bên ngoài.

Thời gian này, Thành Hồ không chỉ là một cứ điểm quân sự hiểm yếu mà còn là hải cảng thương mại sầm uất khu vực phía Bắc vương quốc Champa. Cuộc du hành của Mendez Pinto với tư cách cướp biển Bồ Đào Nha cùng người bạn đồng hành Antonio de Faria đã mô tả một vị trí kỳ lạ rằng “Sau khi đi qua đảo Pulo Campello

[Cù Lao Chàm], một hòn đảo nằm ở 14°20', họ đã tới đảo Pulo Capas, nơi một đoàn thuyền gồm 40 chiếc thuyền mảnh lớn, mỗi chiếc hai hoặc ba tầng sàn đã được nhìn thấy ở con sông Boralho (điểm Varella trên các hải đồ). Faria đã cử người đi khám phá đảo đó. Và sau đó là một đoàn thuyền khác, hình như có đến 2.000 thuyền lớn nhỏ, và một thành phố có tường bao với khoảng chục nghìn nóc nhà" (John Barrow, 2008, tr. 123-124). Sông Boralho gần tiêu điểm định vị Varella của các nhà du hành trên biển là sông Ba hay Đà Rằng (Bà Rằng/Boralho) mà Thành Hồ nằm về phía tả ngạn, bao quanh bởi những bức tường vững chãi⁽²⁾. Nhằm thu hút về mình lợi thế giao thương, Nguyễn Hoàng đã tổ chức cuộc phản công dũng mãnh vào Thành Hồ, nơi xuất phát các cuộc tấn công quấy rối ra miền biên thùy thuộc phủ Hoài Nhân (Quy Nhơn), đồng thời triệt phá hải cảng thương mại tầm cỡ của đối phương, lôi kéo các thuyền buôn ngoại quốc đến giao thương tại các cảng thị thuộc vùng Thuận Quảng. Chưa đặt vấn đề chiếm cứ đất đai thành mục tiêu tối trọng trong điều kiện khan hiếm nguồn nhân lực, do đó Nguyễn Hoàng không chủ trương thiết lập các đơn vị hành chính và cho sáp nhập vào đồ bản vùng đất mới vừa chiến thắng, mà truyền lệnh cho thuộc tướng lui về bên kia đèo Cù Mông, "thăng làm quan trấn An Biên huyện Tuy Viễn" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1993, tr. 89). Từ đây trở đi, các trung tâm cảng thị vùng Thuận Quảng với Thị Nại, Hội An, Thanh Hà trở nên hưng thịnh, đem lại nguồn tích lũy tài chính và của cải dồi dào cho chính quyền chúa Nguyễn, tăng cường thực lực để tạo thế đối trọng với vua Lê-chúa Trịnh về sau.

Kề cận với hệ thống thành trì được dựng lên quanh vùng Thuận Hóa, phố cảng Thanh Hà đã trở thành trung tâm dịch vụ kinh tế Nam Đại Việt, nếu không gọi là xứ Đàng Trong. "Đàng Trong của họ Nguyễn đã bắt đầu có những quan hệ thương mại đều đặn với các nước láng giềng vào giữa những thập niên 1550 và 1570 là muộn nhất" mà đến thời điểm năm 1577 có "14 ghe mảnh chở đồng, sắt và đồ sành sứ từ Phúc Kiến [Trung Hoa] tới Thuận Hóa để bán" (Li Tana, 1999, tr. 86). Từ Macao, đại bác và các loại hỏa lực ưu thế khác được chuyển vận về Thuận Hóa để cách tân quân đội. Cùng đó, Hội An của trấn Quảng Nam vốn là quốc cảng từ thời vương quốc Champa, tiếp tục phát huy chức năng đầu mối giao dịch ngoại thương. Thậm chí 30 năm trước khi Nguyễn Hoàng đặt chân lên đất Quảng Nam, "kể từ năm 1540, Hội An đã là hải cảng chính trong xứ để hàng hóa ngoại quốc du nhập vào Cochinchine" (J. Buttinger, 1958, tr. 201) và "thuyền buôn Nhật Bản, Trung Quốc, Bồ Đào Nha... vẫn đến buôn bán ở vùng biển Hội An, nhất là sau năm 1592" (Đỗ Bang, 1996, tr. 47), tức trong thời kỳ chế độ Shuinsen (Châu Ấn thuyền) thịnh vượng trong lịch sử mậu dịch hàng hải Nhật Bản (1592-1635).

Chính sách của Nguyễn Hoàng gắn liền việc mở rộng mạng lưới thương mại với việc tiêu trừ nạn cướp bóc trên biển. Năm Ất Dậu (1585) "tướng giặc nước Tây Dương hiệu là Hiền Quý (Hiền Quý là tên hiệu của tù trưởng Phiên) đi 5 chiếc thuyền lớn, đến đậu ở cửa Việt để cướp bóc ven biển. Chúa sai hoàng tử thứ sáu lĩnh hơn 10 chiến thuyền, tiến thẳng đến cửa biển, đánh tan 2 chiếc thuyền giặc. Hiền Quý sợ chạy" (Quốc sử quán triều

Nguyễn, 1962, tr. 37). Tuy nhiên sự kiện trên đây lại là sự nhầm lẫn của thủy binh họ Nguyễn mà 16 năm sau Nguyễn Hoàng mới phát hiện và đích thân gửi thư xin lỗi phía nạn nhân. Bức thư Nguyễn Hoàng viết đề ngày 5 tháng 5 năm Hồng Định thứ 2 (1601) gửi tới Mạc Phủ Tokugawa với nội dung thanh minh rằng thủy binh của ông đã tấn công nhầm vào đoàn tàu buôn của thương gia Nhật tên là Bạch Tàn Hiễn Quý. Điều đó cũng chứng tỏ rằng từ trước Bạch Tàn Hiễn Quý và Nhật thương đã qua lại buôn bán với Thuận Quảng, như N. Peri cho biết có 1 tàu Nhật đến Touron năm 1583 (Ủy ban Quốc gia, 1991, tr. 206), chưa kể nhiều trường hợp khác của Nhật Bản lẫn thương nhân các nước.

Từ sau thông cáo của chính quyền Tokugawa được triều đình Nguyễn Hoàng đồng tình tiếp nhận năm 1601, việc buôn bán giữa Thuận Quảng với Nhật Bản tiến hành một cách đều đặn cho đến năm 1606, trong đó “Nguyễn Hoàng tỏ ra là người bạn hàng hăm hở và thường đóng vai chủ động” (Li Tana, 1999, tr. 88) mà một trong những hành động khác thường là vào năm 1604, ông đã nhận thương gia kiêm phái viên đầu tiên của Tokugawa tên Hunamoto Yabeije làm con nuôi. Vào lúc này, chính quyền Lê-Trịnh vẫn chưa có quan hệ chính thức với Nhật Bản cho đến lần tiếp xúc đầu tiên năm 1624, nhưng ngay sau đó chính quyền Tokugawa đã lập tức cấm các thương gia Nhật tới đây. Rõ ràng, sự nhập cuộc của họ Nguyễn bắt đầu từ Nguyễn Hoàng đã đặt nền tảng và duy trì các mối quan hệ thuận lợi của Đàng Trong với các vương quốc trong khu vực lẫn cả với phương Tây.

Bảng vinh danh công trạng Nguyễn Hoàng năm Nhâm Thân (1572) nói rằng “Bấy giờ chúa ở trấn hơn 10 năm, chính sự rộng rãi, quân lệnh nghiêm trang, nhân dân đều yên cư lạc nghiệp, chợ không hai giá, không có trộm cướp. Thuyền buôn các nước đến nhiều. Trấn trở nên một nơi đồ hội lớn” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1962, tr. 36). Như vậy, Đàng quận công không chỉ khoan dân hai xứ Thuận-Quảng mà còn khai mở trong quan hệ với thần dân ngoại quốc. Ngay như vương quốc Champa láng giềng thường xuyên gây hiềm khích với Quảng Nam trước đây, đến nỗi vua Lê phải lên tiếng nhắc nhở Trấn quận công Bùi Tá Hán “nên nhần nhin, lánh tránh sự khiêu khích của người Chiêm” (Mai Thị, 1996, tr. 31) thì Nguyễn Hoàng tỏ ra khuất phục dễ dàng mà bằng chứng là năm Nhâm Dần (1602), sau chuyến kinh lý bên kia ải Hải Vân, tức thì “Năm ấy nước Chiêm Thành sang thông hiếu” (Quốc Sử Quán triều Nguyễn, 1962, tr. 43). Đây cũng là đường lối nhu viễn mà nhiều thế hệ họ Nguyễn đã khôn khéo kế tục.

TIẾP THU NHỮNG YẾU TỐ TIỀN BỘ CỦA THỜI ĐẠI VÀ VẬN DỤNG SÁNG TẠO VÀO QUẢN LÝ XỨ ĐÀNG TRONG

Ưu thế của Thuận Quảng không chỉ là đất đai tươi tốt, sản vật dồi dào mà chủ yếu ở phương thức quản lý nông nghiệp và sử dụng hiệu quả các nguồn lợi tự nhiên. Tuy duy không mới nhưng lạ đối với người Việt là Nguyễn Hoàng đã ra sức cổ vũ Thuận Quảng “theo gương người Chăm” (Li Tana, 1999, tr. 116). Hai trấn Thuận Hóa và Quảng Nam nguyên là bộ phận cốt lõi của lãnh thổ Champa trên hơn hàng chục thế kỷ, mang đậm dấu ấn của một thể chế biển

hùng mạnh so với nhiều vương quốc láng giềng. Để vượt lên trên cả hai đối thủ liền kề hiện tại, Lê-Trịnh ở phía Bắc và Champa ở mặt Nam, Nguyễn Hoàng đã khai sáng đường lối kinh tế “đồng thời trị vì cả khu vực nông nghiệp lẫn các cảng thị” (Ủy ban Quốc gia, 1991, tr. 258), thương mại hóa toàn bộ các sản phẩm do cư dân làm ra hoặc khai thác được, đặt tiền lệ “lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, sự thịnh vượng của quốc gia lệ thuộc ở thương gia chứ không chỉ ở nơi nông dân” (Li Tana, 1999, tr. 225).

Học hỏi kinh nghiệm của người khác và biết vận dụng thành công cho mình đã hẳn là một tài năng lớn. Vận dụng linh hoạt cơ chế kinh tế lấy thương mại làm đòn bẩy đồng thời giao trọng trách quản lý quốc gia về nguồn lực sống còn này cho vị thế tử kế nghiệp như một sự tập dượt nghiêm khắc, Nguyễn Hoàng đã chọn “đất yết hầu của miền Thuận Quảng” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1962, tr. 42) là dải đất phía Nam ải Hải Vân để dựng trấn dinh, mở quốc cảng và cất đặt hoàng tử thứ sáu Nguyễn Phúc Nguyên trấn quản từ năm 1602, thay cho hoàng tử thứ bảy và thứ tám là Phúc Hiệp và Phúc Trạch⁽³⁾. Thực tế cho thấy sự thử thách này đã tôi luyện cả về năng lực cai trị lẫn lòng trung thành nhất quán đối với sự nghiệp dòng họ của vị chúa tương lai, bởi sau khi Phúc Nguyên kế vị (1613-1635), chính hai vị hoàng tử được tái quản nhiệm trấn lý Quảng Nam này đã âm mưu lật đổ chính quyền của vua anh ở Thuận Hóa. Sau nữa, chúa Nguyễn Phúc Lan (1635-1648) cũng phải vất vả một phen với người anh em phản nghịch là trấn thủ Quảng Nam Tôn Thất Anh. Nguyễn Hoàng

phải chăng đã khôn ngoan học hỏi phương cách tiết chế quyền lực này từ lịch sử hoàng triều Champa⁽⁴⁾ và sẵn sàng ứng biến nhằm phát huy lợi thế liên hoàn của các khu vực trấn trị một khi vương quyền cần đến? Chắc chắn lịch sử xứ Đàng Trong thời Nguyễn Hoàng, và sau đó thời Nguyễn Phúc Nguyên đã kiểm chứng đúng đắn một nguyên lý mang tính đặc thù rằng kinh tế ngoại thương đã tăng cường một cách quyết định sức mạnh của chính thể. “Đối với các nước khác ở Đông Nam châu Á, vấn đề ngoại thương có thể chỉ là vấn đề làm giàu, nhưng đối với Đàng Trong vào buổi đầu, đây là vấn đề sống chết” (Li Tana, 1999, tr. 85).

Trên nền tảng cơ chế kinh tế thương mại, Nguyễn Hoàng đã có nhận thức mới về sức mạnh quốc gia. Đó chính là năng lực tiếp thu và vận dụng các yếu tố tiến bộ về khoa học và kỹ thuật của thế giới thời kỳ này.

Tháng 5 năm Quý Tỵ (1593), Nguyễn Hoàng dẫn thủy quân của mình tiến ra Đông Đô, không chỉ “đem sổ sách về binh lương, tiền, lụa, vàng bạc, châu báu, kho tàng của hai trấn Thuận Hóa và Quảng Nam dâng nộp” (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 1998, tr. 184) mà còn dũng mãnh tấn công quan quân bắt trị của họ Mạc đang dấy lên chiếm cứ các thành lũy kiên cố thuộc hai trấn Thái Bình, Nam Định mà trước đó các danh tướng của họ Trịnh không sao cự nổi. “Hoàng sai lấy hỏa khí và súng lớn bắn đồng loạt, phá tan lũy giặc. Bọn giặc sợ chạy. Quan quân thừa thắng đuổi theo, chém đến hàng vạn tên, bắt sống tướng giặc đem chém... Sau bọn ngụy Tráng vương Mạc Kính Vương, Thái quốc công, Hoa quốc công, Nghiêm quốc

công, Cẩm quốc công, Cường quốc công, Đông quốc công đều chiếm giữ vùng Hải Dương. Tiết chế Trịnh Tùng lại sai Nguyễn Hoàng đem quân đi tiêu trừ thu bắt. Hoàng đánh phá dẹp yên được hết..." (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 1998, tr. 185). Tháng 4 năm Mậu Tuất (1598), "quận Thủy chiếm cứ mỏm núi cao ở Thủy Đường, rồi sai đồ đảng đánh cướp các hạt Thanh Lâm và Thanh Hà, bắt hiếp đinh tráng làm lính. Phương Đông rối loạn... Lúc bấy giờ Gia Dụ hoàng đế ta sai quân tiến vào trước, xông vào phá mỏm núi ở Thủy Đường, bắt được quận Thủy. Đảng giặc tan vỡ" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998, tr. 218). Nhờ trang bị các loại vũ khí hạng nặng của phương Tây, lực lượng của Nguyễn Hoàng chiếm lấy ưu thế và chiến thắng dễ dàng đối phương trước sự bất lực của quân đội triều đình.

Chứng cứ nữa cho việc tiếp thu khoa học kỹ thuật của Nguyễn Hoàng là việc ông dâng tặng Trịnh Tùng mẫu xe chưa từng biết đến ở phương Bắc. Tháng 3 năm Ất Mùi (1595), "Tiết chế Trịnh Tùng cho đóng xe hai bánh, trang sức bằng ngọc ngà, trên xe làm mui sơn, hai bên xe khắc lan can bằng ngà, bốn vách sơn thếp, thếp vàng. Lại làm thang nhỏ để lên xe. Trước xe đặt một đòn ngang, sai bốn lực sĩ đẩy. Kiểu xe này do thái úy Nguyễn Hoàng sáng chế" (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 1998, tr. 190). Có lẽ không chỉ ở Đông Đô của Lê-Trịnh mà cả Yên Kinh của thiên triều nổi tiếng các trò tiêu khiển cũng không tìm đâu ra phương tiện độc đáo này.

Rõ ràng, ngay từ đầu Thuận Quảng đã bộc lộ những yếu tố khác biệt so với toàn bộ phần lãnh thổ phía Bắc, hay nói cách khác:

"Đàng Trong không phải là phía Nam của Đàng Ngoài" (Li Tana, 1999, tr. 83). Miền đất hội tụ con người lẫn sản vật khắp nơi đổ về đã kích hoạt một tiềm lực hết sức đa chiều, từ chính trị, kinh tế đến cả văn hóa, kỹ thuật... Trong bối cảnh đặc thù ấy, Nguyễn Hoàng chủ động nhập cuộc với thế giới bên ngoài, xác lập nền móng một hướng đi mới của vùng đất do ông kiến lập mà tầm ảnh hưởng của nó còn kéo dài đến sau này.

Tục danh chúa Tiên dân gian gọi Nguyễn Hoàng có thể xuất phát từ truyền thuyết sùng bái đạo giáo tu tiên lúc sinh thời của ông (Nguyễn Khoa Chiêm, 1994, tr. 38), hoặc nhằm vinh danh công nghiệp "võ về quân dân, thu dùng hào kiệt, sưu thuế nhẹ nhàng, được dân mến phục, bấy giờ thường xưng là chúa Tiên" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1962, tr. 32). Dù vì lý do gì thì Nguyễn Hoàng cũng xứng đáng với danh xưng đó bởi vị trí tiên phong cầm lái tiến ra biển lớn. Tầm nhìn hướng biển trở thành sức mạnh chinh phục trong thực tế. Nhờ đó, Nguyễn Hoàng đã vượt lên và thành công. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Xích Y hay Xích Y Thị, nhân vật hầu cận của Trần quận công Bùi Tá Hán mà gốc gác có thể là người Chăm. Tương truyền sinh thời cả hai đã được một nhà sư trụ trì trên đất Phú Yên (lúc này còn đang thuộc chủ quyền của vương quốc Champa) tạc tượng đặt thờ trong chùa. Về sau, Xích Y được chúa Nguyễn và triều Nguyễn ban cấp nhiều sắc phong để tỏ sự trọng vọng. Có thể nhân vật có mối quan hệ rất gần gũi với vùng biên thùy phía Nam này đã bí mật ra tay giúp Nguyễn Hoàng dẹp bỏ những trở ngại trong việc thu tóm quyền lực trấn Quảng Nam vào năm 1570.

⁽²⁾ Theo khảo sát của nhiều học giả, Faifo và Tourane đều không phải là những thành phố có tường bao, còn thành Trà Kiệu thì đã trở thành phế tích từ trước. Con sông Borahio gần tiêu điểm Varella mà Thành Hồ nằm bên bờ tả ngạn chỉ có thể là sông Apa, tức sông Ba, con sông lớn thứ hai chảy qua vương quốc Tsiompa (Champa) sau sông Mékong trên bản đồ Hà Lan Guiljelmus BLAEU, 1635, Atlas 27x43cm (xem: Dournes, Jacques. 2013. *Potao, một lý thuyết về quyền lực ở người Jorai Đông Dương*. Hà Nội: Nxb. Tri thức. Tr. 10).

Trong khi đó, nhà khảo cổ Henri Parmentier mô tả Thành Hồ được xây bằng gạch và “Gạch dùng xây thành rất lớn: dày hơn 0,10m, màu đỏ sẫm có khi tím” (xem: H. Parmentier. 1909. *Thống kê khảo tả các di tích Chăm ở Trung Kỳ* (Bản dịch của Viện Khảo cổ học).

Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Tư đề cập cụ thể hơn về tòa thành rằng: “Bờ thành xây bằng gạch Chăm, như gạch xây các tháp, theo hình thang, dưới chân rộng vào khoảng 30 thước (mét), trên mặt rộng độ 10 hay 15 thước, cao khoảng 6, 7 thước” (xem: Nguyễn Đình Tư. 1965. *Non nước Phú Yên*. Tiền Giang xuất bản. Tr. 102).

Như vậy, Thành Hồ chính là tụ điểm thương mại sầm uất theo như ghi chép của Antonio de Faria.

⁽³⁾ Sau khi thoát khỏi sự kiểm chế của họ Trịnh ở Đông Đô, Nguyễn Hoàng về lại Thuận Quảng vào giữa năm 1600, cho Nguyễn Phúc Nguyên coi quản việc quân ở Thuận Hóa, sai Phúc Hiệp và Phúc Trạch trấn giữ Quảng Nam. Sự cắt đặt này được chép trong *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên* của Phạm Công Trứ (xem: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. 1998. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập III. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội. Phụ lục 1. Tr. 309).

Khi Nguyễn Phúc Nguyên kế vị năm 1613, quyền trấn trị Quảng Nam được giao lại cho hai vị hoàng tử em này. Sự kiện mưu phản xảy ra vào năm 1620, có liên kết với quân đội của

chúa Trịnh, song bất thành. Đây được coi là lý do để chúa Nguyễn Phúc Nguyên đổ lỗi và đoạn tuyệt với chính quyền Đông Đô, tiếp đó năm 1627 chiến tranh Trịnh-Nguyễn chính thức nổ ra.

⁽⁴⁾ Quy chế nhà vua Champa trao quyền cai quản một hay một số thành phố hải cảng quan trọng của vương quốc cho hoàng thái tử kế vị như một sự tập dượt được biết đến qua chuyện kể của nhà du hành Hồi giáo Ibn Batutah vào khoảng trước năm 1352. Nơi Ibn Batutah ghé thuyền có lẽ là hải cảng Panduranga, ở đó có thái tử (Yuvaraja) trị nhậm, nhưng thái tử đi vắng và người tiếp ông là công chúa Urdugia. Trong khi đó, nhà vua chính thức đang cai quản vương quốc tại kinh thành Vijaya (xem: Lương Ninh. 2006. *Vương quốc Champa*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. Tr. 125).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Bang. 1996. *Phố cảng vùng Thuận Quảng thế kỷ XVII-XVIII*. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
2. Barrow, J.. 2008. *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
3. Buttinger, J. 1958. *The smaller Dragon*. New York.
4. Nguyễn Khoa Chiêm. 1994. *Việt Nam khai quốc chí truyện*. Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.
5. Lê Quý Đôn. 1978. *Đại Việt thông sử*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn. 1962. *Đại Nam thực lục*. Tiền biên. Tập I. Hà Nội: Nxb. Sử học.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn. 1993. *Đại Nam liệt truyện*. Tập 1. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn. 1998. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Tập II. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

(Xem tiếp trang 20)

(Tiếp theo trang 48)

9. Tana, Li. 1999. *Xứ Đàng Trong: lịch sử kinh tế-xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ.

10. Mai Thị. 1996. “Phủ tập Quảng Nam ký sự” qua bản in: *Tư liệu thư tịch và di tích về nhân vật lịch sử Bùi Tá Hán (1496-1568)*. Sở Văn hóa Thông tin Quảng Ngãi.

11. Ủy ban Quốc gia. 1991. *Đô thị cổ Hội An*. (Hội thảo quốc tế tổ chức tại Đà Nẵng ngày 22, 23/3/1990). Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

12. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. 1998. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập III. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.